THE ASIAN INTERNATIONAL SCHOOL

www.asianintlschool.edu.vn

VIETNAMESE PROGRAM

Date of issue: January 10, 2025

KẾT QUẢ HỌC TẬP HỌC KÌ 1 NĂM HỌC 2024-2025

Results for Academic Semester 1 year 2024 - 2025

Lớp: 12/17
Grade

STT No.	Họ tên *Name*	Toán *Math*	Vật lý *Physics*	Hóa học *Chemistry*	Sinh học *Biology*	Tin học *Computer Science*	Văn học *Literature*	Lịch sử *History*	Ngoại ngữ - Tiếng Anh *Foreign language - English*	GDQP National *Defence Education*	Giáo dục thể chất *Physical Education*	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp *Vocational & Experiential Learning Activities*	Kết quả xếp loại và thi đua *Ranking*	
													Kết quả học tập *Academic Performance*	Kết quả rèn luyện *Conduct*
1	Lương Thi Ái	6.2	6.1	6.6	7.0	9.5	8.1	9.8	7.5	9.4	Đạt	Đạt	**Khá**	**Tốt**
2	Đặng Quế Anh	8.7	8.1	8.5	9.5	9.9	9.1	9.8	7.3	9.7	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
3	Đỗ Nguyễn Hoàng Anh	8.3	6.3	6.6	6.7	9.8	6.6	9.7	6.5	9.7	Đạt	Đạt	**Khá**	**Tốt**
4	Mai Ngọc Anh	9.2	8.6	9.2	9.7	9.9	7.9	9.6	7.4	10	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
5	Ngô Thụy Bảo Anh	6.3	6.0	6.5	5.6	9.2	5.4	9.8	6.3	9.4	Đạt	Đạt	**Đạt**	**Tốt**
6	Nguyễn Ngọc Danh	8.9	6.4	7.6	8.1	9.5	7.6	8.9	7.4	9.6	Đạt	Đạt	**Khá**	**Tốt**
7	Quách Khải Danh	6.7	6.2	7.3	7.3	9.1	7.3	9.3	7.6	10	Đạt	Đạt	**Khá**	**Tốt**
8	Mai Kim Hảo	5.9	6.1	8.0	6.4	9.0	6.6	9.5	7.0	9.3	Đạt	Đạt	**Khá**	**Tốt**
9	Vũ Kim Huy Hoàng	6.8	6.7	6.6	6.9	9.4	6.6	9.3	6.5	9.2	Đạt	Đạt	**Khá**	**Tốt**
10	Đặng Quang Huy	4.2	4.0	5.3	5.0	8.7	4.7	8.8	5.0	8.5	Đạt	Đạt	**Đạt**	**Tốt**
11	Nguyễn Quốc Huy	6.5	6.2	8.0	7.8	9.1	7.0	9.4	8.2	9.4	Đạt	Đạt	**Khá**	**Tốt**
12	Nguyễn Châm Khanh	5.6	6.7	6.8	6.7	9.1	5.8	9.4	5.7	9.0	Đạt	Đạt	**Khá**	**Tốt**
13	Hồ Đặng Khánh Linh	7.6	6.5	6.6	7.7	9.1	7.6	9.4	7.8	9.6	Đạt	Đạt	**Khá**	**Tốt**
14	Đỗ Minh Nguyệt	9.5	9.8	9.9	10	10	9.6	10	9.1	9.9	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
15	Dư Tấn Quang	6.5	8.4	7.1	6.1	9.1	7.7	9.8	7.0	8.7	Đạt	Đạt	**Khá**	**Tốt**
16	Võ Mạc Thức Quân	7.2	7.4	7.4	7.8	9.5	7.8	9.6	7.7	9.9	Đạt	Đạt	**Khá**	**Tốt**
17	Nguyễn Khánh Quỳnh	8.6	9.0	8.9	9.8	9.7	8.9	9.6	9.0	10	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**

GVCN/*Class Teacher*	GĐCTVN/*VP. Manager*	Kiểm tra/*Checked by*
Trần Thị Tranh	**Tô Huỳnh Thư**	**Văn Thị Thiên Hà**

THE ASIAN INTERNATIONAL SCHOOL

www.asianintlschool.edu.vn

VIETNAMESE PROGRAM

Date of issue: January 10, 2025

KẾT QUẢ HỌC TẬP HỌC KÌ 1 NĂM HỌC 2024-2025

Results for Academic Semester 1 year 2024 - 2025

Lớp: 12/18
Grade

STT No.	Họ tên *Name*	Toán *Math*	Vật lý *Physics*	Hóa học *Chemistry*	Sinh học *Biology*	Tin học *Computer Science*	Ngữ văn *Literature*	Lịch sử *History*	Ngoại ngữ - Tiếng Anh *Foreign language - English*	GDQP National *Defence Education*	Giáo dục thể chất *Physical Education*	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp Vocational & Experiential Learning Activities	Kết quả xếp loại và thi đua Ranking	
													Kết quả học tập *Academic Performance*	Kết quả rèn luyện *Conduct*
1	Nguyễn Ngọc Mỹ Anh	7.8	8.5	8.8	9.2	9.8	7.7	9.6	8.0	9.0	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
2	Trương Gia Bách	8.4	9.1	7.1	7.0	9.4	7.1	9.1	7.0	8.4	Đạt	Đạt	**Khá**	**Tốt**
3	Lưu Hoàng Châu	8.6	8.9	6.3	7.1	9.2	5.7	9.0	8.0	8.7	Đạt	Đạt	**Khá**	**Tốt**
4	Trần Gia Hòa	7.6	6.7	6.5	6.6	8.7	5.7	9.3	7.5	9.6	Đạt	Đạt	**Khá**	**Tốt**
5	Trần Quang Gia Huy	6.9	7.2	9.2	7.7	9.6	7.1	9.1	9.0	9.2	Đạt	Đạt	**Khá**	**Tốt**
6	Nguyễn Thái Bảo Khang	6.7	7.0	5.9	7.6	8.4	6.1	8.6	5.8	8.4	Đạt	Đạt	**Khá**	**Tốt**
7	Ái Phúc Cảnh Khôi	7.6	8.2	8.3	8.2	9.3	8.5	9.1	7.7	9.1	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
8	Lê Trung Kiên	5.9	6.1	5.5	6.7	8.8	5.6	8.6	4.4	8.0	Đạt	Đạt	**Đạt**	**Tốt**
9	Tạ Minh Kỳ	8.0	7.9	9.1	9.6	9.8	9.2	10	8.9	9.4	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
10	Phương Kiều Mai	8.0	7.3	8.3	7.9	9.3	6.8	9.6	7.1	9.4	Đạt	Đạt	**Khá**	**Tốt**
11	Nguyễn Châu Phương Ngân	7.8	5.4	7.5	8.1	9.4	7.0	9.3	9.1	9.8	Đạt	Đạt	**Khá**	**Tốt**
12	Nguyễn Thị Quỳnh Như	7.0	6.8	6.7	7.5	9.2	6.9	9.8	7.0	10	Đạt	Đạt	**Khá**	**Tốt**
13	Phùng Võ Quang Sang	8.8	9.5	8.5	8.3	9.5	8.0	9.5	9.3	8.7	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
14	Nguyễn Đỗ Tuyết Thanh	9.7	8.2	8.4	9.1	9.5	8.7	9.5	8.0	9.6	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
15	Phan Trí Thiên	9.1	8.1	9.1	9.4	9.9	7.9	9.7	6.8	9.9	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
16	Bùi Đăng Thịnh	7.2	6.8	6.1	7.0	8.1	5.4	8.8	8.0	9.4	Đạt	Đạt	**Khá**	**Tốt**
17	Hồ Viễn Thư	7.8	8.4	7.2	8.1	9.1	7.0	9.3	8.2	9.4	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
18	Nguyễn Mai Trâm	7.7	6.5	7.6	8.2	9.6	8.4	9.5	8.6	9.4	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
19	Nguyễn Thoại Uyên	6.9	6.7	6.8	9.6	9.8	9.1	9.8	9.0	10	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
20	Nguyễn Thục Uyên	7.8	7.6	8.2	9.4	9.9	8.6	9.8	9.6	9.5	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**

GVCN/*Class Teacher*	GĐCTVN/*VP. Manager*	Kiểm tra/Checked by
Nguyễn Thị Mai	Trần Thị Tâm Tuyền	Văn Thị Thiên Hà

THE ASIAN INTERNATIONAL SCHOOL

www.asianintlschool.edu.vn

VIETNAMESE PROGRAM

Date of issue: January 10, 2025

KẾT QUẢ HỌC TẬP HỌC KÌ 1 NĂM HỌC 2024-2025

Results for Academic Semester 1 year 2024 - 2025

Lớp: 12/19
Grade

STT No.	Họ tên *Name*	Toán *Math*	Vật lý *Physics*	Hóa học *Chemistry*	Sinh học *Biology*	Tin học *Computer Science*	Ngữ văn *Literature*	Lịch sử *History*	Ngoại ngữ - Tiếng Anh *Foreign language - English*	GDQP National *Defence Education*	Giáo dục thể chất *Physical Education*	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp Vocational & Experiential Learning Activities	Kết quả xếp loại và thi đua Ranking	
													Kết quả học tập *Academic Performance*	Kết quả rèn luyện *Conduct*
1	Huỳnh Minh Anh	6.7	5.9	7.2	7.5	9.6	6.9	9.2	8.3	9.6	Đạt	Đạt	**Khá**	**Tốt**
2	Lâm Quang Minh	9.1	9.1	8.2	8.7	9.6	8.0	9.3	8.0	10	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
3	Nguyễn Thư Bảo Minh	9.2	9.3	9.6	10	9.9	9.7	9.3	9.8	9.9	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
4	Weng Hoa Nam	8.4	7.3	7.7	9.0	9.4	8.7	9.4	8.4	9.9	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
5	Hỷ Dương Vũ Nội	8.5	8.3	7.4	8.4	9.1	8.1	8.5	8.5	9.6	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
6	Thái Tuấn Phát	9.8	9.8	8.9	9.8	10	8.2	9.1	9.2	9.9	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
7	Lý Phú	8.5	7.4	7.4	8.3	9.4	7.8	8.9	9.4	9.4	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
8	Lý Quý	8.0	5.5	6.6	7.8	9.6	6.8	9.4	8.8	10	Đạt	Đạt	**Khá**	**Tốt**
9	Lê Phú Thiên	8.4	8.2	8.1	9.0	9.6	7.7	8.9	7.6	9.9	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
10	Huỳnh Bảo Trâm	9.0	8.5	8.5	9.2	9.7	9.6	9.6	9.1	10	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
11	Vũ Thị Bích Trâm	8.0	8.1	6.6	9.0	9.6	8.2	9.1	8.0	9.9	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
12	Hồ Minh Trí	7.4	5.7	5.8	7.9	8.6	6.9	7.8	7.1	8.4	Đạt	Đạt	**Khá**	**Tốt**
13	Trần Văn Trung	8.6	7.2	6.9	8.6	9.6	7.4	8.9	8.1	9.7	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
14	Tôn Kim Yến	8.4	7.4	7.6	8.6	9.7	7.2	8.6	6.9	9.9	Đạt	Đạt	**Khá**	**Tốt**

GVCN/*Class Teacher*	GĐCTVN/*VP. Manager*	Kiểm tra/Checked by
Vũ Thúy Ngân	Trần Thị Tâm Tuyền	Văn Thị Thiên Hà

THE ASIAN INTERNATIONAL SCHOOL

www.asianintlschool.edu.vn

VIETNAMESE PROGRAM

Date of issue: January 10, 2025

KẾT QUẢ HỌC TẬP HỌC KÌ 1 NĂM HỌC 2024-2025

Results for Academic Semester 1 year 2024 - 2025

Lớp: 12/20
Grade

STT No.	Họ tên *Name*	Toán *Math*	Vật lý *Physics*	Hóa học *Chemistry*	Sinh học *Biology*	Tin học *Computer Science*	Văn học *Literature*	Lịch sử *History*	Ngoại ngữ - Tiếng Anh *Foreign language - English*	GDQP National *Defence Education*	Giáo dục thể chất *Physical Education*	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp *Vocational & Experiential Learning Activities*	Kết quả xếp loại và thi đua *Ranking*	
													Kết quả học tập *Academic Performance*	Kết quả rèn luyện *Conduct*
1	Đặng Ngọc Bảo Anh	9.1	8.8	8.1	8.9	9.9	7.8	9.3	9.4	9.1	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
2	Hoàng Hải Anh	6.8	8.6	7.3	7.8	9.4	6.8	9.6	8.1	9.3	Đạt	Đạt	**Khá**	**Tốt**
3	Lê Nguyễn Minh Anh	8.5	9.1	8.8	10	10	8.6	9.6	9.7	9.4	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
4	Nguyễn Huỳnh Quốc Bảo	7.7	8.7	9.3	9.7	9.9	8.5	9.2	8.3	9.9	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
5	Trương Cẩm Đào	9.4	9.8	9.4	9.8	10	9.1	9.6	9.4	9.7	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
6	Dương Gia Đồng	7.1	8.9	7.7	8.4	9.6	7.4	9.3	9.3	9.1	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
7	Lâm Sởi Hoàn	9.6	9.5	8.9	9.8	9.9	9.3	9.6	10	10	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
8	Nguyễn Tuấn Thanh Liêm	8.2	9.6	8.8	8.7	9.8	9.3	9.6	9.7	8.6	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
9	Liu Xin Long	8.7	8.1	7.7	8.0	9.9	7.1	9.6	8.5	10	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
10	Hoàng Tuệ Mẫn	9.6	9.5	9.4	10	10	9.3	9.8	10	10	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
11	Nguyễn Mai Ngân	8.3	7.7	7.9	9.6	9.8	8.7	9.8	8.6	10	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
12	Nguyễn Khánh Ngọc	9.0	8.9	8.7	9.6	9.9	7.6	9.5	9.6	10	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
13	Lày Bội Như	7.9	8.7	7.5	8.3	9.8	8.2	9.8	9.1	9.7	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
14	Nguyễn Lê Ny	9.1	9.6	9.2	9.8	10	9.3	9.5	9.8	10	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
15	Ngô Trần Minh Sang	8.4	9.4	7.3	8.1	9.6	6.7	9.1	9.7	9.4	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
16	Lê Nguyễn Anh Tài	9.3	9.4	8.9	9.9	10	8.4	9.6	10	9.7	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
17	Nguyễn Ngọc Phúc Tâm	9.2	8.9	8.6	9.8	9.5	9.1	9.1	9.3	10	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
18	Nguyễn Linh Trang	8.7	8.8	7.9	8.8	9.5	8.5	9.1	9.2	9.7	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
19	Đào Nguyễn Cát Tường	9.3	9.9	9.4	9.9	10	9.7	9.8	9.7	10	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
20	Nguyễn Huỳnh Tường Vy	9.2	9.4	8.9	9.2	9.9	9.3	9.6	9.2	9.8	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**

GVCN/*Class Teacher*	GĐCTVN/*VP. Manager*	Kiểm tra/*Checked by*
Mai Thị Hiền	**Tô Huỳnh Thư**	**Văn Thị Thiên Hà**

THE ASIAN INTERNATIONAL SCHOOL

www.asianintlschool.edu.vn

VIETNAMESE PROGRAM

Date of issue: January 10, 2025

KẾT QUẢ HỌC TẬP HỌC KÌ 1 NĂM HỌC 2024-2025

Results for Academic Semester 1 year 2024 - 2025

Lớp: 12/21
Grade

STT No.	Họ tên *Name*	Toán *Math*	Vật lý *Physics*	Tin học *Computer Science*	Văn học *Literature*	Lịch sử *History*	Địa lý *Geography*	Ngoại ngữ - Tiếng Anh *Foreign language - English*	GDQP National *Defence Education*	Giáo dục thể chất *Physical Education*	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp *Vocational & Experiential Learning Activities*	Giáo dục kinh tế và pháp luật *Economic and Legal Education*	Kết quả xếp loại và thi đua *Ranking*	
													Kết quả học tập *Academic Performance*	Kết quả rèn luyện *Conduct*
1	Phạm Xuân Quang Anh	6.9	7.8	8.6	6.7	8.5	8.9	7.2	9.4	Đạt	Đạt	8.4	**Khá**	**Tốt**
2	Narumon Trân Attasumpun	6.9	6.9	9.3	6.2	8.2	9.8	8.7	8.9	Đạt	Đạt	8.4	**Khá**	**Tốt**
3	Tôn Nữ Phương Chi	7.4	8.5	8.8	7.6	8.6	9.6	5.3	9.7	Đạt	Đạt	9.3	**Khá**	**Tốt**
4	Nguyễn Tấn Dũng	8.4	7.9	8.6	6.2	8.3	9.4	7.1	8.9	Đạt	Đạt	8.4	**Khá**	**Tốt**
5	Đỗ Khắc Gia Đạt	8.1	8.5	9.5	7.3	9.7	9.8	5.5	9.7	Đạt	Đạt	9.1	**Khá**	**Tốt**
6	Nguyễn Ngọc Anh Đức	7	6.7	8.1	5	8.7	9.2	5.6	9.2	Đạt	Đạt	8.5	**Khá**	**Khá**
7	Vũ Hương Giang	8.3	7.8	9.6	6	9	9.9	7.4	9.1	Đạt	Đạt	8.8	**Khá**	**Tốt**
8	Lê Thanh Hải	6.9	7.8	9	6.9	9	9.5	6.1	9.5	Đạt	Đạt	8.9	**Khá**	**Tốt**
9	Nguyễn Trọng Kha	6.6	7	8.8	5.2	8.9	7.7	9.2	8.3	Đạt	Đạt	8	**Khá**	**Tốt**
10	Lâm Gia Khiêm	6.2	6.1	8.3	7.3	8.5	9.4	5.3	8.9	Đạt	Đạt	9.1	**Khá**	**Tốt**
11	Lê Đăng Khoa	5.1	5.5	8	5.1	7.9	8.8	5	7.7	Đạt	Đạt	7.6	**Đạt**	**Tốt**
12	Nguyễn Mai Mỹ Kim	8.3	7.8	8.9	8.2	8.3	9.9	6.5	9.1	Đạt	Đạt	9.4	**Tốt**	**Tốt**
13	Huỳnh Bội Mãn	8.7	8.1	9.3	7.6	9.3	9.7	7.1	10	Đạt	Đạt	9.1	**Tốt**	**Tốt**
14	Thiếu Quốc Mạnh	7.4	7.4	8.5	5	8.8	7.9	8.7	8.1	Đạt	Đạt	9.1	**Khá**	**Tốt**
15	Cao Hoàng Minh	8.5	8.6	9.3	7.8	9.1	9.8	6.5	9.9	Đạt	Đạt	9.4	**Tốt**	**Tốt**
16	Lê Hoàng Minh	8.7	9.4	8.5	7.8	9.1	9.4	7.4	9.7	Đạt	Đạt	8.9	**Tốt**	**Tốt**
17	Tô Uyển Nghi	6.8	7.6	8.1	7.3	8.4	9.3	5.8	8.7	Đạt	Đạt	8.5	**Khá**	**Tốt**
18	Vũ Bá Khôi Nguyên	7.7	8	9.2	8.9	9.6	9.8	7.2	9.9	Đạt	Đạt	9.4	**Tốt**	**Tốt**
19	Trần Hồng Phát	7.4	6.8	8.3	8	8.3	9.2	6.2	8.7	Đạt	Đạt	8.7	**Khá**	**Tốt**
20	Phan Nguyễn Như Quỳnh	8	8.9	8.8	7.8	9.3	9.9	8	9.2	Đạt	Đạt	9.2	**Tốt**	**Tốt**
21	Nguyễn Hoàng Anh Thư	7.4	7.4	8.6	6.8	8.5	9.7	5	8.7	Đạt	Đạt	8.8	**Khá**	**Tốt**
22	Bùi Xuân Trọng	6.2	5.8	9	5.6	7.2	7.3	6.1	9.1	Đạt	Đạt	7.8	**Đạt**	**Tốt**

GVCN/*Class Teacher*	GĐCTVN/*VP. Manager*	Kiểm tra/*Checked by*
Nguyễn Thị Hòa	**Tô Huỳnh Thư**	**Văn Thị Thiên Hà**

THE ASIAN INTERNATIONAL SCHOOL

www.asianintlschool.edu.vn

VIETNAMESE PROGRAM

Date of issue: January 10, 2025

KẾT QUẢ HỌC TẬP HỌC KÌ 1 NĂM HỌC 2024-2025

Results for Academic Semester 1 year 2024 - 2025

Lớp: 12/22
Grade

STT No.	Họ tên *Name*	Toán *Math*	Vật lý *Physics*	Tin học *Computer Science*	Ngữ văn *Literature*	Lịch sử *History*	Địa lý *Geography*	Ngoại ngữ - Tiếng Anh *Foreign language - English*	GDQP National *Defence Education*	Giáo dục thể chất *Physical Education*	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp Vocational & Experiential Learning Activities	Mỹ thuật *Fine Arts*	Kết quả xếp loại và thi đua Ranking	
													Kết quả học tập *Academic Performance*	Kết quả rèn luyện *Conduct*
1	Mã Thiên Ái	7.5	8.3	9.6	8.3	9.1	9.7	7.8	9.6	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
2	Ngô Võ Lan Chi	8.8	9.5	9.9	8.9	9.0	10	8.9	9.9	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
3	Nguyễn Chí Hào	6.4	7.5	9.4	6.8	8.0	9.6	7.2	9.4	Đạt	Đạt	Đạt	**Khá**	**Tốt**
4	Trần Hiển Hồng	6.1	9.3	8.7	8.6	8.0	9.3	9.8	9.3	Đạt	Đạt	Đạt	**Khá**	**Tốt**
5	Nguyễn Hoàng Minh Huy	6.7	7.9	9.5	6.3	8.7	8.8	6.1	9.4	Đạt	Đạt	Đạt	**Khá**	**Tốt**
6	Nguyễn Duy Khương	8.4	7.6	8.8	8.0	8.3	8.5	8.6	9.1	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
7	Tiền Tuấn Minh	8.3	7.0	9.2	6.6	8.9	9.6	9.0	9.2	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
8	Tăng Thi Nhã	7.3	9.1	9.1	7.8	8.4	9.8	8.0	9.9	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
9	Đặng Vũ Trúc Quyên	7.7	7.6	8.4	8.1	9.3	9.5	8.1	9.0	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
10	Trịnh Hiệp Tài	8.0	7.1	8.7	6.6	9.2	9.1	9.1	8.4	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
11	Lê Minh Tân	7.6	8.2	8.5	7.3	8.9	9.0	8.5	9.3	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
12	Trần Nguyễn Kim Thư	8.2	8.5	9.6	9.2	9.2	9.8	8.0	9.6	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
13	Nguyễn Thành Trung	7.4	7.7	9.1	8.0	9.4	10	6.5	9.2	Đạt	Đạt	Đạt	**Khá**	**Tốt**
14	Nguyễn Thanh Tùng	6.1	7.3	9.1	6.9	9.4	8.9	5.9	9.6	Đạt	Đạt	Đạt	**Khá**	**Tốt**
15	Phạm Kim Uyên	7.4	8.0	9.6	8.1	8.7	9.6	8.3	9.5	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
16	Hỷ Phú Vinh	8.7	9.4	8.6	7.1	9.4	9.7	8.2	9.3	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
17	Võ Vân Phương Yến	5.4	6.2	8.4	6.8	8.0	8.2	7.4	9.0	Đạt	Đạt	Đạt	**Khá**	**Tốt**

GVCN/*Class Teacher*	GĐCTVN/*VP. Manager*	Kiểm tra/Checked by
Võ Thị Hồng Yến	Trần Thị Tâm Tuyền	Văn Thị Thiên Hà